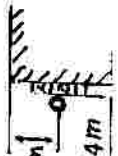
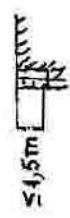
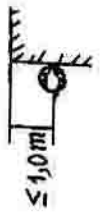
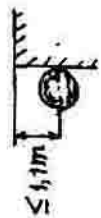
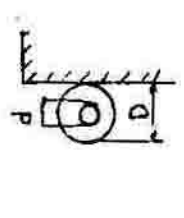
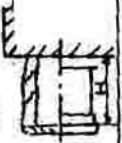


Bảng I

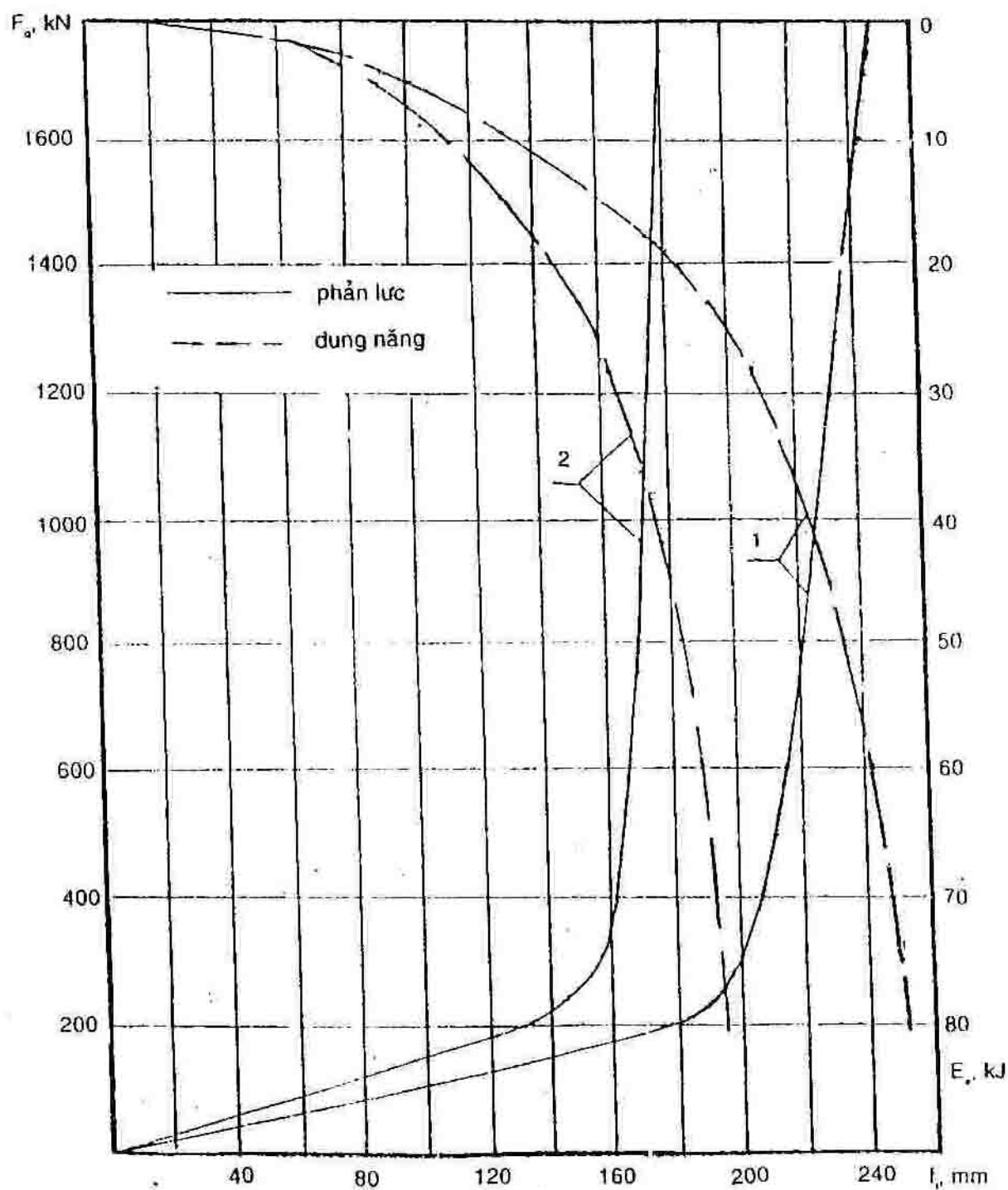
ĐẶC TRƯNG CỦA MỘT SỐ THIẾT BỊ ĐỆM TÀU

Thứ tự	Loại thiết bị đệm	Vật liệu và hình dạng	Phương pháp treo	Chiều dài tiêu chuẩn L (m)	Chiều cao hoặc đường kính (mm)	Trị số biến dạng giới hạn α (mm)	Dung năng biến dạng E_a (kJ)	Phản lực F_q (kN)	Áp lực lên mạn tàu q (kN/m ²)	Sơ đồ treo đệm trên bến
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Δ -300	ống cao su	Treo bằng dây xích hoặc cáp	3,0	300	195	7,0	290	43	
2	Δ -400	-nt-	-nt-	2,0	400	260	12,0	250	73	
3	$\pi 2\Delta 400$	2 ống cao su	-nt-	2,0	400	260	24,0	500	73	
4	$\pi 4\Delta 400$	4 ống cao su	-nt-	2,0	900	480	48,0	500	73	
5	A3Δ 300	3 ống cao su tổng trong 12 lớp ô tô	-nt-	3,0	1000	565	16,0	200	70	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	ΔP	khung gỗ trên 4 lớp ô ô	-nt-	6,0	400	135	2,4	112	20	
7	$\Delta 800$	ống cao su	-nt-	2,0	800	400	8,6	49	30	
8		-nt-	-nt-	3,0	800	400	12,0	73	30	
9		-nt-	-nt-	4,0	800	400	17,2	98	30	
10	$\Delta 1000$	-nt-	-nt-	2,0	1000	500	13,0	61	30	
11		-nt-	-nt-	3,0	1000	500	20,0	91	30	
12		-nt-	-nt-	4,0	1000	500	26,0	122	30	
13	1200	-nt-	-nt-	2,0	1200	600	19,0	73	30	
14		-nt-	-nt-	3,0	1200	600	29,0	109	30	
15		-nt-	-nt-	4,0	1200	600	38,0	146	30	
16	BRIDGESTONE (Nhật) ống 30 x 15"	ống cao su	Treo bằng dây xích	4,6	762 381	381	17,0	95		
17	như trên, 40 x 20"	-nt-	-nt-	4,6	1020 510	510	30,0	127		
18	như trên, 48 x 24"	-nt-	-nt-	4,6	1220 610	610	44,0	148		
19	BRIDGESTONE C 800 H CELL	-nt-	liên kết cứng	1,05	800	400	8	275		

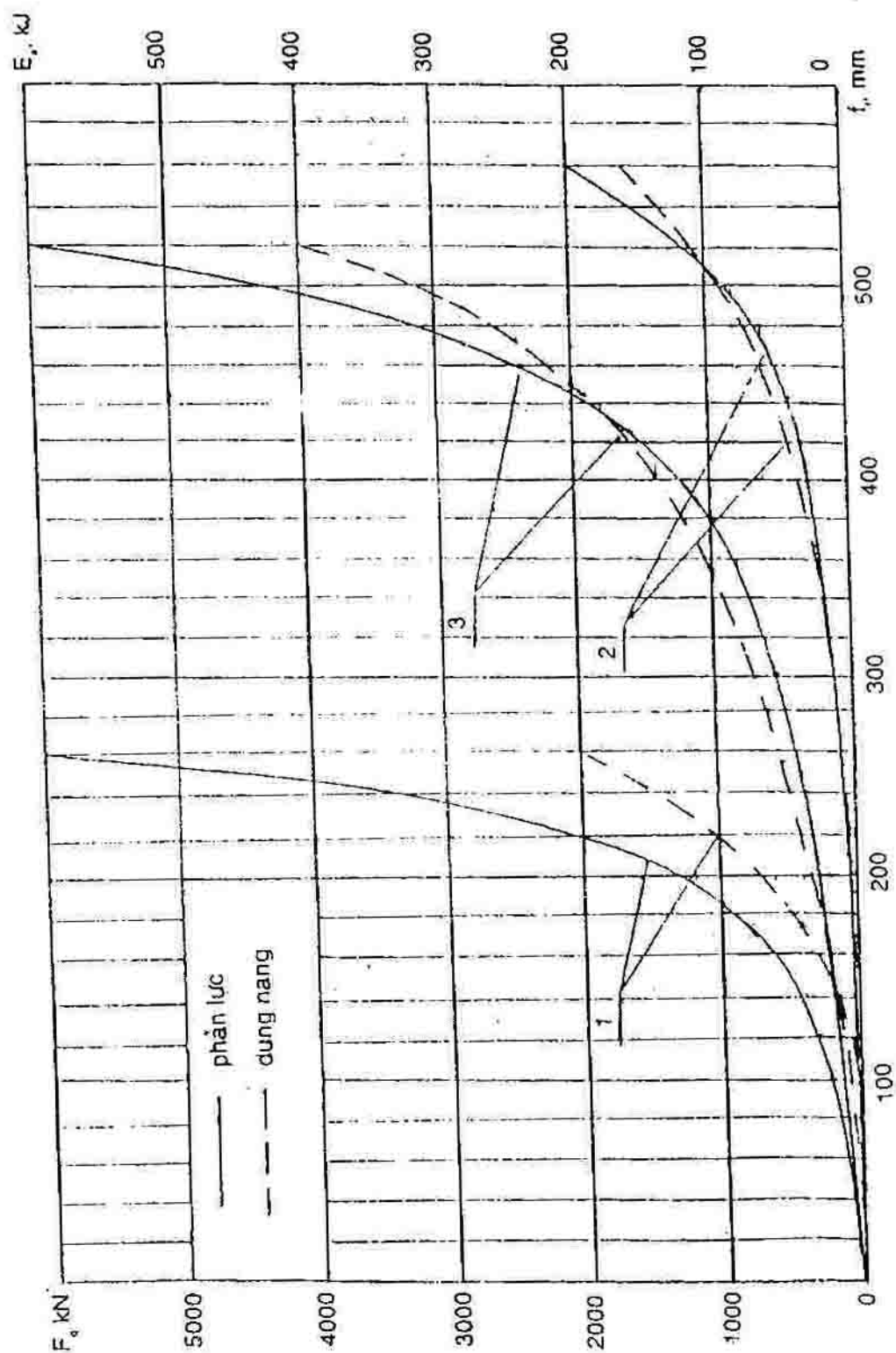
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
20	như trên, C 1000 H	-nt-	-nt-	1,30	1000	500	16	42,0		
21	SEIBY CHEM C, Nhật V600 H	cao su bình thang rỗng	-nt-	1,5 2,0 2,5	600	270	13 18 22	65 88 120		
22	như trên, V 800 H	-nt-	-nt-	2,5 3,0 3,5	800	360	40 47 56	145 175 203		
23	như trên, V 1000 H	-nt-	-nt-	2,5 3,0 3,5	1000	450	63 78 90	185 225 260		
24	BRIDGESTONE, Nhật SUPPER ARCA SA 600 H	-nt-	-nt-	2,0 2,5 3,0	600	270	18 22 27	90 112 134		
25	như trên, SA 800 H	-nt-	-nt-	2,0 2,5 3,0	800	360	32 40 43	120 150 179		
26	như trên, SA 1000H	-nt-	-nt-	2,5 3,0 3,5	1000	450	63 75 88	187 224 262		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
27	IOKOHAMA, Nhật J 1500 x 3000	ống khí nén	thả nổi	3,0	1500	750	12	50		
28	như trên, J 1700 x 3000	-nt-	-nt-	3,0	1700	850	14	56		
29	như trên, J 2000 x 3500	-nt-	-nt-	3,5	2000	1000	26	64		
30	như trên, J 3300 x 6500	-nt-	-nt-	6,5	3300	1650	125	204		



Hình 1. Đặc trưng cơ học của thiết bị đệm tàu loại ống cao su (cho 1 ống)

1 - Δ400; 2 - Δ300



Hình 2. Đặc trưng cơ học của thiết bị đệm tàu hỗn hợp
1 - 2Δ400; 2 - A3Δ300; 3 - 4Δ400